

Bản án số: 782/2024/DS-ST

Ngày: 26-9- 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nguyên
- Bà Trương Thị Kim Chơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 373/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 726/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 583/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP N**

Địa chỉ: phường L, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Hải Thanh S**, sinh năm 1990

Địa chỉ: phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Nhật T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Phường M, quận G, TP. Hồ Chí Minh. – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ngân hàng TMCP N (viết tắt Vietcombank) và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày:

1. Quá trình cấp tín dụng

Ngày 22/06/2020, Ông Nguyễn Nhật T đã đề nghị Vietcombank Chi nhánh Tây Sài Gòn phát hành thẻ tín dụng, cụ thể như sau:

- Loại thẻ: Vietcombank Visa Signature
- Tài khoản thẻ tín dụng: VS0170000180

- Hạn mức thẻ: 250.000.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng).
- Phương thức thanh toán: Thu nợ từ tài khoản thanh toán của ông Nguyễn Nhật T, số tài khoản: 0171003456363 tại Vietcombank.

Tạm tính đến hết ngày 20/09/2024, tổng dư nợ thẻ tín dụng của Ông Nguyễn Nhật T tại Vietcombank Chi nhánh Tây Sài Gòn là **368.122.531 đồng** (*Ba trăm sáu mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi một đồng*), chi tiết như sau: Dư nợ gốc : 243.256.500 đồng, Dư nợ lãi: 59.879.756 đồng, Phí phát sinh: 64.986.275 đồng.

2. Việc vi phạm nghĩa vụ

Sau khi sử dụng thẻ tín dụng chi tiêu, khi đến hạn trả nợ gốc, lãi và phí của thẻ tín dụng hàng tháng, Ông Nguyễn Nhật T đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Vietcombank, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Vietcombank. Vietcombank Chi nhánh Tây Sài Gòn đã nhiều lần gọi điện nhưng không liên hệ được khách hàng, thông báo nhắc nợ nhưng khách hàng không phản hồi, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Vietcombank, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Vietcombank.

3. Nội dung yêu cầu

Căn cứ việc ông Nguyễn Nhật T không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Vietcombank, cố tình không hợp tác, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Vietcombank, Vietcombank thông qua Vietcombank Chi nhánh Tây Sài Gòn yêu cầu Tòa án tuyên như sau:

Buộc ông Nguyễn Nhật T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 20/09/2024, tổng dư nợ thẻ tín dụng của Ông Nguyễn Nhật T tại Vietcombank Chi nhánh Tây Sài Gòn là **368.122.531 đồng** (*Ba trăm sáu mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi một đồng*), chi tiết như sau: Dư nợ gốc : 243.256.500 đồng, Dư nợ lãi: 59.879.756 đồng, Phí phát sinh: 64.986.275 đồng.

Ông Nguyễn Nhật T tiếp tục trả tiền lãi và phí sẽ tiếp tục phát sinh kể từ ngày 21/09/2024 theo qui định cho đến khi Ông Nguyễn Nhật T trả hết nợ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Nhật T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền rà soát thu hồi từ tiền tại các tổ chức tín dụng khác hoặc phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Nhật T theo đúng quy định của pháp luật để trả toàn bộ số nợ gốc, lãi và phí cho Vietcombank.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Nhật T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Nhật T thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng ông Tân vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản

nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Nhật T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh trình bày:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Nhật T trả cho Ngân hàng TMCP N tạm tính đến ngày 20/9/2024, với số tiền **368.122.531 đồng** (*Ba trăm sáu mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi mốt đồng*), chi tiết như sau: Dư nợ gốc : 243.256.500 đồng, Dư nợ lãi: 59.879.756 đồng, Phí phát sinh: 64.986.275 đồng. Đồng thời, ông Tân tiếp tục trả tiền lãi và phí sẽ tiếp tục phát sinh kể từ ngày 21/09/2024 theo qui định cho đến khi Ông Nguyễn Nhật T trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[2] Ngân hàng TMCP N khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Nhật T. Ông Nguyễn Nhật T ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP N tại Chi nhánh Tây Sài Gòn, địa chỉ: 321-323-325 đường Phạm Hùng, khu dân cư Him Lam, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời nguyên đơn Ngân hàng TMCP N có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh là Tòa án nơi Ngân hàng có trụ sở và hai bên ký kết hợp đồng giải quyết vụ án nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Hải Thanh S vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và Giấy Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm hợp đồng được lập ngày 22/6/2020 giữa Ngân hàng TMCP N thì bị đơn ông Nguyễn Nhật T cư trú địa chỉ số: Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đương sự. Tuy nhiên, ông Nguyễn Nhật T đã không đến Tòa án theo Giấy triệu tập. Do đó, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của ông Tân. Với kết quả xác minh là ông Nguyễn Nhật T có Hộ khẩu thường trú tại số Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 2021 đến nay đi đâu không rõ. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thuộc trường hợp của bị đơn ông Nguyễn Nhật T là "...Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ

sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung...”. Ông Tân đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 để giải quyết vụ án.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định ngày 22/6/2020 Ngân hàng TMCP N có ký Hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Nhật T, cấp thẻ tín dụng với hạn mức 250.000.000 đồng, lãi suất thẻ: 15%/năm, mục đích vay tiêu dùng, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Tân đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 243.256.500 đồng. Tính đến ngày 20/9/2024, ông Tân vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền là: **368.122.531 đồng** (*Ba trăm sáu mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi mốt đồng*), chi tiết như sau: Dư nợ gốc : 243.256.500 đồng, Dư nợ lãi: 59.879.756 đồng, Phí phát sinh: 64.986.275 đồng.

[6] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ triệu tập bị đơn ông Nguyễn Nhật T đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông Tân vẫn không có mặt, cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ ông Nguyễn Nhật T không có thiện chí trả nợ Ngân hàng TMCP N, đồng thời ông Tân cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Nguyễn Nhật T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án.

[7] Theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng và tại điểm g khoản 3.1 Điều 3 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N quy định: “Trường hợp chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng theo quy định, chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được quyền: Ngân hàng được quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ đồng thời với việc chấm dứt Hợp đồng này và/hoặc thực hiện các biện pháp khác theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ (gốc, nợ lãi, phí và chi phí phát sinh liên quan) của chủ thẻ”. Ông Nguyễn Nhật T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi, vì vậy Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông Tân trả tiền gốc và lãi còn nợ của hợp đồng tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91,

Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

[8] Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Buộc ông Nguyễn Nhật T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tính đến ngày 20/9/2024 là: 368.122.531 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi một đồng), trong đó gồm: Dư nợ gốc là 243.256.500 đồng, nợ lãi là 54.982.113 đồng, Phí phát sinh là 69.883.918 đồng.

Kể từ ngày 21/9/2024 ông Nguyễn Nhật T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc (Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016)

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Nguyễn Nhật T.

2. Buộc ông Nguyễn Nhật T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tính đến ngày 20/9/2024 là: 368.122.531 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi một đồng), trong đó gồm: Dư nợ gốc : 243.256.500 đồng, Dư nợ lãi: 59.879.756 đồng, Phí phát sinh: 64.986.275 đồng.

Kể từ ngày 21/9/2024 ông Nguyễn Nhật T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Nhật T phải chịu 18.406.127 đồng (Mười tám triệu, bốn trăm lẻ sáu nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng) và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 7.609.536 đồng (Bảy triệu sáu trăm linh chín nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số: 0033729 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Long Toàn